CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.[1]

---

[1] Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Chính phủ ban hành Nghị định về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia, Bộ, ngành trung ương và địa phương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư công bao gồm Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các cấp.

2. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước (sau đây gọi chung là Bộ, ngành trung ương).

3. Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công là đơn vị có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đơn vị được giao quản lý đầu tư công của Bộ, ngành trung ương được giao kế hoạch đầu tư công; Sở Kế hoạch và Đầu tư; phòng, ban có chức năng quản lý đầu tư công thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

5. Cơ quan, tổ chức khác quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch, tổ chức thực hiện và theo dõi, đánh giá thực hiện, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 3. Các nguồn vốn đầu tư công

1. Vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm: vốn đầu tư của ngân sách trung ương cho Bộ, ngành trung ương; vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương cho địa phương; vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

Nghị định số136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 - 2020."

2. Vốn đầu tư nguồn công trái quốc gia là khoản vốn do Nhà nước vay trực tiếp của người dân bằng một chứng chỉ có kỳ hạn để đầu tư cho các mục tiêu phát triển của đất nước.

3. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ là khoản vốn trái phiếu Chính phủ do Bộ Tài chính phát hành để thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng trong phạm vi cả nước.

4. Vốn đầu tư nguồn trái phiếu chính quyền địa phương là khoản vốn trái phiếu có kỳ hạn từ 01 năm trở lên, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phát hành hoặc ủy quyền phát hành để đầu tư một số dự án quan trọng của địa phương.

5. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, gồm: vốn viện trợ không hoàn lại, vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của Chính phủ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các tổ chức liên Chính phủ hoặc liên quốc gia.

6. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước là các khoản vốn do Ngân hàng phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để đầu tư các dự án thuộc đối tượng vay vốn tín dụng đầu tư và tín dụng chính sách xã hội.

7. Vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, gồm:

a)[2] **(được bãi bỏ)**

b)[3] **(được bãi bỏ)**

c) Tiền lãi dầu khí của nước chủ nhà từ hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí (PSC), lợi nhuận được chia từ liên doanh dầu khí và tiền đọc tài liệu dầu khí;

d) Nguồn thu của đơn vị sự nghiệp công lập để lại cho đầu tư;

đ) Vốn đầu tư từ nguồn thu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước được thu lại hoặc trích lại để đầu tư chương trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

e) Nguồn thu của tổ chức tài chính, bảo hiểm xã hội được trích lại để đầu tư

---

[2] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[3] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

g)[4] **(được bãi bỏ)**

8. Khoản vốn vay của chính quyền cấp tỉnh được hoàn trả bằng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và thu hồi vốn từ các dự án đầu tư bằng các khoản vốn vay này, bao gồm:

a) Khoản huy động vốn trong nước của chính quyền cấp tỉnh theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vay từ nguồn vốn nhàn rỗi của Kho bạc Nhà nước và huy động từ các nguồn vốn vay trong nước khác để đầu tư kết cấu hạ tầng;

b) Vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài do Chính phủ cho vay lại.

Điều 4. Căn cứ lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Các căn cứ quy định tại Điều 50 của Luật Đầu tư công.

2. Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước.

3. Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

4. Các hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 5. Nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Các nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Luật Đầu tư công.

2. Danh mục dự án đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo biểu mẫu hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung chi tiết danh mục dự án phát sinh chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu có) theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị định này.

Điều 6. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng

---

[4] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

năm cho chương trình, dự án

1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 54 của Luật Đầu tư công.

2. Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các dự án do cấp mình quản lý để:

a) Lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư;

b) Lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án đầu tư công.

3. Việc bố trí vốn kế hoạch cho chương trình, dự án khởi công mới theo quy định tại khoản 1 Điều này và các nguyên tắc sau đây:

a) Chương trình, dự án có đủ điều kiện được bố trí vốn kế hoạch theo quy định tại Điều 10 và Điều 27 của Nghị định này;

b) Sau khi đã bố trí vốn hoàn trả các khoản ứng trước vốn đầu tư công (nếu có).

Điều 7. Vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 54 của Luật Đầu tư công

1. Mức vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được thực hiện như sau:

a) Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của Quốc gia, Thủ tướng Chính phủ quy định mức vốn dự phòng theo từng nguồn vốn.

b) Đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn của bộ, ngành trung ương và địa phương, mức vốn dự phòng là 10% trên tổng mức vốn kế hoạch trung hạn theo từng nguồn vốn.

2. Số vốn dự phòng để xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn, được sử dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Xử lý trượt giá sau khi đã sử dụng hết số vốn dự phòng trong tổng mức đầu tư được duyệt của từng dự án theo quy định của pháp luật;

b) Bổ sung đầu tư dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh; đối ứng cho chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn;

c) Vấn đề cấp bách khác phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

Điều 8. Nguyên tắc theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công

1. Nguyên tắc theo dõi kế hoạch đầu tư công:

a) Theo dõi, cập nhật có hệ thống các thông tin, số liệu liên quan đến việc tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công, gồm cả việc theo dõi chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công đã được phê duyệt;

b) Bảo đảm phản ánh chính xác, đầy đủ và trung thực các thông tin, số liệu và tình hình, kết quả triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công.

2. Nguyên tắc đánh giá kế hoạch đầu tư công:

a) Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội theo mục tiêu đề ra trong quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư của chương trình, dự án;

c) Bảo đảm tính khách quan, công khai, minh bạch và tăng cường trách nhiệm giải trình trong đánh giá kế hoạch đầu tư công;

d) Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cộng đồng dân cư trong đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công.

Điều 9. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công

1. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 của Luật Đầu tư công.

2. Bộ, ngành trung ương và địa phương bố trí nguồn kinh phí sự nghiệp, kinh phí thường xuyên trong dự toán ngân sách hằng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương II
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VÀ HẰNG NĂM

Mục 1
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN

Điều 10. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 55 của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án khởi công mới, ngoài việc đáp ứng các quy định tại khoản 1 Điều này, phải bảo đảm cân đối đủ nguồn vốn hoàn thành dự án theo thời gian quy định tại Điều 13 của Nghị định này.

3. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công và các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

Điều 11. Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

Vốn chuẩn bị đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được bố trí từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý, vốn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật Đầu tư công.

Điều 12. Bố trí vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Vốn thực hiện dự án bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 57 của Luật Đầu tư công.

2. Vốn thực hiện dự án chỉ được bố trí khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Điều 13. Thời gian bố trí vốn để hoàn thành dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Thời gian bố trí vốn để hoàn thành dự án theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Đối với dự án nhóm B, nhóm C, thời gian bố trí vốn theo quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng không vượt quá thời gian bố trí vốn tối đa theo quy định sau đây:

a) Đối với dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng: không quá 05 năm; dự án nhóm B có tổng mức đầu tư từ 800 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng: không quá 08 năm;

b) Đối với dự án nhóm C: không quá 03 năm.

c)[5] Đối với dự án thuộc Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền

[5] Điểm này được bổ sung theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

vững: thời gian bố trí vốn để hoàn thành dự án theo chu kỳ lâm sinh.

3. Trường hợp đặc biệt vì lý do khách quan bất khả kháng, không bố trí đủ vốn theo thời gian quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, thẩm quyền quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian bố trí vốn dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A và dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn dự án nhóm B, nhóm C sử dụng toàn bộ vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư;

c) Người đứng đầu Bộ, ngành trung ương quyết định việc kéo dài thời gian bố trí vốn dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương;

d) Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, với sự đồng thuận của nhà tài trợ nước ngoài, quyết định kéo dài thời gian bố trí vốn dự án nhóm A, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

Điều 14. Phân cấp bố trí vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giữa trung ương và địa phương

1. Ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ hỗ trợ cho địa phương thông qua các chương trình mục tiêu:

a) Được bố trí vốn theo các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ được quy định trong Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Dự án khởi công mới thuộc các chương trình mục tiêu từ kế hoạch năm 2016 chỉ tập trung hỗ trợ cho dự án lớn, trọng điểm, có tính lan tỏa, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, dự án có tính liên tỉnh, liên vùng, có quy mô đầu tư từ nhóm B trở lên; trừ trường hợp đặc biệt, đối với dự án cấp bách về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, quốc phòng và giải quyết những vấn đề bức xúc nhất của địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lựa chọn danh mục dự án đề nghị hỗ trợ từ nguồn

vốn ngân sách trung ương, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ theo đúng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phù hợp với số vốn được phân bổ theo từng chương trình mục tiêu cho địa phương;

c) Dự án khởi công mới quy định tại điểm b khoản này được hỗ trợ 100% vốn ngân sách trung ương, công trái quốc gia, trái phiếu Chính phủ để thực hiện. Trong trường hợp cần thiết và có khả năng cân đối được ngân sách, địa phương có thể bố trí vốn cân đối ngân sách địa phương hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác để chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng,... cho một số dự án cụ thể.

2. Đối với chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ bố trí cho các dự án theo các quy định tại Nghị quyết của Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư; Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn vốn này và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đối với từng chương trình.

3. Vốn cân đối ngân sách địa phương bố trí cho các dự án do địa phương quản lý quy định tại điểm b khoản 1 Điều 63 của Nghị định này và các dự án không thuộc đối tượng trung ương hỗ trợ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 15. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật Đầu tư công và các điều 6, 10, 11, 12 và 13 của Nghị định này;

2. Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ các nguồn vốn trong từng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Đối với nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ bổ sung có mục tiêu cho địa phương thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 và điểm b khoản 1 Điều 63 của Nghị định này.

Điều 16. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn vay trong kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

1. Dự án phải có khả năng thu hồi vốn, có hiệu quả và khả năng trả nợ, thuộc ngành, lĩnh vực được sử dụng vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

2. Mức vốn vay tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước không vượt quá giới hạn về tỷ lệ vốn vay của từng dự án theo quy định của pháp luật về tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.

3. Đã được thẩm định phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay của từng dự án theo quy định của Chính phủ về tín dụng đầu tư phát triển do Ngân hàng Phát triển Việt Nam cho vay và tín dụng chính sách do Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay.

4. Đối với dự án hoàn trả một phần hoặc toàn bộ vốn vay bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, ngoài việc thực hiện nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, còn phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Thực hiện các quy định tại các điều 10, 12 và 13 của Nghị định này;

b) Thuộc danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 17. Trình tự lập, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của quốc gia

1. Thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 58 của Luật Đầu tư công.

2. Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau, bao gồm mục tiêu, định hướng đầu tư và giao nhiệm vụ triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Trước ngày 31 tháng 3 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, trên cơ sở danh mục chương trình mục tiêu được Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư và Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư giai đoạn sau, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 5 năm tiếp theo; sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội. Riêng đối với chương trình mục tiêu quốc gia, sau khi Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định đầu tư giai đoạn sau. Việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn từng chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo trình tự như đối với chương trình mục tiêu nêu trên.

4. Trước ngày 10 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Chính phủ cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến:

a) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, gồm: chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư trung hạn vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài trước ngày 30 tháng 9 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước trước ngày 15 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

6. Trước ngày 20 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn sau.

Điều 18. Trình tự lập, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của Bộ, ngành trung ương

1. Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia và các ngành, lĩnh vực trong giai đoạn sau, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chuẩn bị trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công căn cứ hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo nội dung quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công, trong đó để lại 10% dự phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định này;

b) Trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét dự kiến kế hoạch đầu tư công

giai đoạn sau và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

3. Trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cơ quan, đơn vị trực thuộc và báo cáo người đứng đầu Bộ, ngành trung ương.

4. Cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo ý kiến chỉ đạo của người đứng đầu Bộ, ngành trung ương và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm:

a) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo các nội dung quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công;

b) Tổ chức tham vấn lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của Bộ, ngành mình và chương trình được phân công phụ trách;

c) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hoàn chỉnh và trình cấp có thẩm quyền dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Điều 19. Trình tự lập, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương

1. Trước ngày 15 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, các ngành, lĩnh vực và của địa phương trong giai đoạn sau, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chuẩn bị và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Chỉ thị hoặc văn bản hướng dẫn về mục tiêu, định hướng và trình tự, thời gian lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của địa phương cho các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

2. Sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ văn bản hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Triển khai lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo nội dung quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công;

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

c) Hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý theo nội dung quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp xã do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, dưới hình thức Ban hoặc Tổ quản lý đầu tư công. Trưởng cơ quan này là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, các thành viên khác là công chức xã kiêm nhiệm;

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau của cấp mình;

c) Hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn trình Hội đồng nhân dân hoặc (***được bãi bỏ***)[6] cùng cấp cho ý kiến trước ngày 15 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp hoặc *(được bãi bỏ)*[7] cùng cấp, trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn chỉnh và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính kế hoạch đầu tư công trung hạn do cấp mình quản lý.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã thì gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn do cấp mình quản lý theo thời gian quy định tại văn

---

[6] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[7] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp quản lý trực tiếp cho cấp xã một số nguồn vốn đầu tư công của cấp trên, Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn này theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều này và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp tỉnh phân cấp quản lý trước ngày 15 tháng 10 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Trước ngày 15 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định hoặc giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

5. Căn cứ ý kiến thẩm định tại Khoản 4 nêu trên, sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp trước ngày 30 tháng 11 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và trình xin ý kiến Hội đồng nhân dân hoặc (***được bãi bỏ***)[8] cùng cấp.

8. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc ***(được bãi bỏ)***[9], Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

9. Sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn

---

[8] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[9] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

đầu tư công trung hạn giai đoạn sau do địa phương quản lý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xin ý kiến Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[10] cấp tỉnh cho ý kiến trước khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định.

Việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau do địa phương quản lý phải căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn trung hạn sau; danh mục chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư; căn cứ mục tiêu, định hướng phát triển, khả năng tài chính và đặc điểm cụ thể của địa phương;

b) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân hoặc (*được bãi bỏ*)[11] cùng cấp cho ý kiến, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 5 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

c) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[12] cùng cấp trước ngày 15 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[13] cùng cấp, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

Điều 20. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn của Quốc gia vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu

---

[10] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[11] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[12] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[13] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chính phủ

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 51 của Luật Đầu tư công, các điều 6, 7, 14 và 15 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Đầu tư công và các điều 17, 18 và 19 của Nghị định này.

3. Trước ngày 20 tháng 10 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương theo mức vốn Chính phủ đã báo cáo Quốc hội.

4. Bộ, ngành trung ương căn cứ dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn; mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được thông báo tại khoản 3 Điều này, dự kiến phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

5. Địa phương dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau:

a) Căn cứ dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công trung hạn và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được thông báo tại khoản 3 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới dự kiến chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước (bao gồm chi tiết danh mục và mức vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương), vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trung hạn cho từng dự án thuộc địa phương quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét trước ngày 10 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân hoặc ***(được bãi bỏ)***[14] cùng cấp cho ý kiến về dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án thuộc

[14] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

địa phương quản lý và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

6. Trường hợp Quốc hội thông qua kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ khác với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn do Chính phủ trình:

a) Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo kế hoạch đầu tư trung hạn điều chỉnh vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn sau cho Bộ, ngành trung ương và địa phương theo mức vốn Quốc hội quyết định;

b) Bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn chỉnh phương án phân bổ chi tiết kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau theo quy trình tại khoản 4 và khoản 5 Điều này và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian cụ thể do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của Bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 05 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

8. Giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ:

a) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho các bộ, ngành trung ương và địa phương, bao gồm: tổng số và mức vốn theo ngành, lĩnh vực, chương trình nguồn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ; danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ;

b) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho từng dự án của các bộ, ngành trung ương và địa phương;

c) Căn cứ Nghị quyết của Quốc hội, Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định giao chi tiết kế hoạch của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 15 tháng 01 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn,

người đứng đầu Bộ, ngành trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo hoặc quyết định giao chi tiết (đối với trường hợp được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền) kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 21. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật Đầu tư công và Điều 15 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 19 của Nghị định này.

3. Việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 67 của Luật Đầu tư công.

Điều 22. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật Đầu tư công và Điều 15 của Nghị định này.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17 và Điều 18 của Nghị định này.

3. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng

hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Căn cứ quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương.

5. Căn cứ quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, quyết định giao chi tiết kế hoạch của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 15 tháng 01 năm thứ nhất của kế hoạch đầu tư công trung hạn, người đứng đầu Bộ, ngành trung ương thông báo kế hoạch đầu tư trung hạn vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 23. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại các điều 50, 51 và 70 của Luật Đầu tư công.

2. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 58 và Điều 71 của Luật Đầu tư công, các điều 17, 18 và 19 của Nghị định này.

3. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

a) Đối với kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối trong ngân sách nhà nước và áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo quy định tại khoản 3 Điều 71 của Luật Đầu tư công, Điều 20 và Điều 24 của Nghị định này và các quy định khác của Chính phủ;

b) Đối với kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài của dự án khác ngoài dự án quy định tại điểm a khoản này thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 24. Lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

1. Trình tự và nguyên tắc lập, thẩm định kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 69 của Luật Đầu tư công, các điều 16, 17, 18 và 19 của Nghị định này.

2. Bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 5 Điều 18 và khoản 8, điểm d khoản 9 Điều 19 của Nghị định này.

3. Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 7 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch và báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 17 của Nghị định này.

5. Việc giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Trước ngày 10 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tốc độ tăng dư nợ tín dụng, bù lãi suất và phí quản lý ngân hàng, bổ sung vốn (nếu có) của giai đoạn sau cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch đầu tư trung hạn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước giai đoạn sau theo ngành, lĩnh vực, chương trình cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các khoản vốn vay trong nước hoàn trả bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các bộ, ngành trung ương và địa phương.

Điều 25. Hồ sơ đề nghị thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Tờ trình cấp có thẩm quyền về kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn theo nội dung quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

3. Báo cáo thẩm định trong nội bộ của cơ quan, đơn vị.

4. Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết

định đầu tư các chương trình, dự án mới.

5. Ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[15] các cấp đối với dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định tại Nghị định này.

6. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 26. Nội dung và báo cáo thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn

1. Nội dung thẩm định:

a) Thẩm định nội dung quy định tại các điều 50, 51 và 52 của Luật Đầu tư công;

b) Dự kiến phương án phân bổ vốn cho từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể;

c) Bố trí vốn dự phòng theo từng nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

d) Bố trí kế hoạch thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thanh toán các khoản vốn ứng trước kế hoạch (nếu có);

đ) Bố trí vốn các dự án khởi công mới;

e) Các nội dung liên quan khác (nếu có).

2. Báo cáo thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn theo mẫu quy định tại Phụ lục số I kèm theo Nghị định này.

Mục 2
LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VÀ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HẰNG NĂM

Điều 27. Điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm[16]

1. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 56 của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án khởi công mới, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, cần có thêm các điều kiện sau:

---

[15] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[16] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

a) Được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết định đầu tư đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch, trừ dự án khẩn cấp, dự án sử dụng nguồn vốn dự phòng ngân sách nhà nước, tăng thu, kết dư ngân sách nhà nước và các trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối các nguồn vốn; bảo đảm bố trí đủ vốn theo tiến độ hoàn thành quy định trong kế hoạch đầu tư công trung hạn;

c) Bố trí đủ vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong năm đầu thực hiện dự án.

3. Dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh bổ sung vào danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn được bố trí vốn từ nguồn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này và phải được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư.

4. Đối với vốn chuẩn bị đầu tư hoặc dự án chuẩn bị đầu tư phải có quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư và dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền quyết định đến ngày 31 tháng 10 của năm trước năm kế hoạch.

Điều 28. Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công hằng năm cho các dự án thuộc danh mục và tổng mức đã được phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn hoặc kế hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh (nếu có).

2. Đối với dự án khẩn cấp và một số dự án cần thiết mới phát sinh theo quy định tại khoản 14 Điều 4 của Luật Đầu tư công, việc bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và vốn thực hiện dự án từ nguồn dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn được thực hiện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này.

Điều 29. Nguyên tắc lựa chọn danh mục dự án và dự kiến mức vốn bố trí cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

1. Thực hiện theo quy định tại các điều 60, 61, 62, 63 và 64 của Luật Đầu tư công.

2. Phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư hằng năm của từng dự án.

3. Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá số vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được phê duyệt.

4. Việc bố trí vốn đối với dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh quy định tại khoản 3 Điều 27 của Nghị định này phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thuộc chương trình, nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước;

b) Phù hợp nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 30. Nguyên tắc lựa chọn danh mục chương trình, dự án và dự kiến bố trí vốn kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với dự án bổ sung mới trong kế hoạch đầu tư hằng năm phải có Điều ước quốc tế về vốn ODA và vốn vay ưu đãi được ký kết với các nhà tài trợ nước ngoài.

3. Theo tiến độ triển khai thực hiện dự án và tiến độ cấp vốn của các nhà tài trợ nước ngoài đã cam kết.

4. Đối với chương trình, dự án thuộc kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước, ngoài việc bảo đảm nguyên tắc quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, còn phải thực hiện quy định tại Điều 29 của Nghị định này.

Điều 31. Trình tự lập, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm của quốc gia

1. Trình tự lập, thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm của quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 59 của Luật Đầu tư công.

2. Trước ngày 20 tháng 9 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau của quốc gia trình Chính phủ.

3. Căn cứ nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 20 tháng 10 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội kế

hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm sau, bao gồm:

a) Tổng mức vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương và địa phương theo ngành, lĩnh vực, chương trình, vốn cân đối ngân sách địa phương;

b) Danh mục chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia (nếu có);

c) Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước.

Điều 32. Trình tự lập, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm của Bộ, ngành trung ương

1. Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, ngành, lĩnh vực, kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ, ngành trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chuẩn bị trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn về nội dung, trình tự, thời gian lập kế hoạch đầu tư công năm sau cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Cơ quan, đơn vị trực thuộc sử dụng vốn đầu tư công căn cứ hướng dẫn tại khoản 1 Điều này thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Lập kế hoạch đầu tư công năm sau theo nội dung quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công trong phạm vi nhiệm vụ được giao;

b) Báo cáo cơ quan cấp trên xem xét kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi cơ quan chuyên môn quản lý về đầu tư công theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tổ chức thẩm định phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm sau của các cơ quan, đơn vị trực thuộc trước ngày 20 tháng 7 năm trước và báo cáo người đứng đầu Bộ, ngành trung ương.

4. Cơ quan, đơn vị trực thuộc hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công năm sau theo kết luận của người đứng đầu Bộ, ngành trung ương và gửi cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương.

5. Cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công có trách nhiệm:

a) Tổng hợp kế hoạch đầu tư công năm sau của bộ, ngành mình và ngành, lĩnh vực được Chính phủ phân công phụ trách;

b) Trình cấp có thẩm quyền xem xét, hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại khoản 6 Điều 59 của Luật Đầu tư công;

c) Căn cứ ý kiến thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau, hoàn chỉnh và trình cấp có thẩm quyền dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định tại khoản 9 Điều 59 của Luật Đầu tư công.

Điều 33. Trình tự lập, thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công hằng năm của địa phương

1. Trước ngày 30 tháng 6 năm trước, căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của quốc gia, các ngành, lĩnh vực và của địa phương năm sau, kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì chuẩn bị và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành chỉ thị hoặc văn bản hướng dẫn mục tiêu, nội dung, trình tự, thời gian lập kế hoạch đầu tư công năm sau cho sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới.

2. Sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Triển khai lập kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao theo nội dung quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công;

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau;

c) Hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công năm sau theo nội dung quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã căn cứ văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công lập kế hoạch đầu tư công năm sau trong phạm vi nhiệm vụ được giao và nguồn vốn thuộc cấp mình quản lý;

b) Tổ chức thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình;

c) Hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau, trình Hội

đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[17] cùng cấp cho ý kiến;

d) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[18] cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo hoàn thiện dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau do cấp mình quản lý gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã thì gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện kế hoạch đầu tư công năm sau do cấp mình quản lý theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cấp xã quản lý trực tiếp một số nguồn vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch đầu tư công năm sau nguồn vốn này theo quy định tại khoản 1 Điều này và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch đầu tư công năm sau của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Căn cứ ý kiến thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch đầu tư công năm sau thuộc phạm vi nhiệm vụ được giao, trình cấp có thẩm quyền cho ý kiến, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này.

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét để báo cáo Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[19] cùng cấp cho ý kiến trước ngày 25 tháng 7 năm trước.

7. Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[20] cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo hoàn chỉnh dự kiến lần thứ nhất kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian quy định

---

[17] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[18] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[19] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[20] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

tại khoản 6 Điều 59 của Luật Đầu tư công.

8. Sau khi nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, báo cáo Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[21] cùng cấp cho ý kiến và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo thời gian quy định tại văn bản hướng dẫn quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau của cấp mình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[22] cùng cấp;

c) Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[23] cùng cấp, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư hoàn chỉnh dự kiến lần thứ hai kế hoạch đầu tư công năm sau báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 9 Điều 59 của Luật Đầu tư công.

Điều 34. Trình tự dự kiến phương án phân bổ chi tiết và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ

1. Trước ngày 20 tháng 10 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho các bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau, gồm:

a) Vốn ngân sách trung ương theo ngành, lĩnh vực, chương trình với mức vốn Chính phủ đã báo cáo Quốc hội;

b) Vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ theo mức vốn Thủ tướng Chính phủ quyết định.

2. Bộ, ngành trung ương căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ đã được cấp có thẩm quyền

---

[21] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[22] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[23] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

quyết định và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư công năm sau được thông báo tại khoản 1 Điều này, dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ cho từng dự án trong kế hoạch đầu tư công năm sau và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

3. Địa phương dự kiến danh mục và mức vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch năm sau:

a) Căn cứ kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ đã được cấp có thẩm quyền quyết định và dự kiến mức vốn kế hoạch đầu tư công năm sau được thông báo tại khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới dự kiến chi tiết kế hoạch vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau, bao gồm danh mục và mức vốn ngân sách trung ương, vốn cân đối ngân sách địa phương bố trí cho từng dự án thuộc địa phương quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[24] cùng cấp cho ý kiến dự kiến kế hoạch năm sau vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ của từng dự án thuộc địa phương quản lý và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 20 tháng 11 năm trước.

4. Trường hợp Quốc hội thông qua kế hoạch năm sau vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ khác với dự kiến kế hoạch đầu tư công do Chính phủ trình:

a) Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo điều chỉnh vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau cho các Bộ, ngành trung ương và địa phương theo mức vốn Quốc hội quyết định;

b) Bộ, ngành trung ương và địa phương hoàn chỉnh phương án phân bổ cụ thể theo quy trình tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo thời gian cụ thể do Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát, tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ năm sau

---

[24] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

của các Bộ, ngành trung ương và địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định trước ngày 5 tháng 12 năm trước.

6. Việc giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ theo quy định tại các khoản 4, 5, 6 và 7 Điều 66 của Luật Đầu tư công.

Điều 35. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư

Việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương và các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật Đầu tư công.

Điều 36. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương

1. Căn cứ kế hoạch đầu tư từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương đã báo cáo Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư năm sau vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương trước ngày 15 tháng 12 năm trước.

2. Căn cứ quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, trước ngày 20 tháng 12 năm trước, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao chi tiết kế hoạch đầu tư năm sau vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương.

3. Căn cứ quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, quyết định giao chi tiết kế hoạch của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trước ngày 31 tháng 12 năm trước, người đứng đầu Bộ, ngành trung ương thông báo kế hoạch đầu tư năm sau vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước năm sau của từng dự án cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Điều 37. Trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

1. Việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi

của các nhà tài trợ nước ngoài được cân đối trong ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Nghị định này.

2. Việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài áp dụng cơ chế tài chính trong nước theo hình thức cho vay lại thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Nghị định này, các quy định khác của Chính phủ và của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc trình, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đối với các dự án khác được thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 38. Trình tự lập, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư hằng năm vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước

1. Bộ, ngành trung ương và địa phương dự kiến kế hoạch đầu tư năm sau vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước gửi Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 7 năm trước.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư năm sau vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 10 tháng 8 năm trước.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp kế hoạch và báo cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 31 của Nghị định này.

4. Việc giao kế hoạch đầu tư vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm sau thực hiện như sau:

a) Trước ngày 15 tháng 12 năm trước, Thủ tướng Chính phủ giao tổng mức kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hoặc tốc độ tăng tổng dư nợ tín dụng, bù chênh lệch lãi suất và chi phí ngân hàng, bổ sung vốn (nếu có) năm sau cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Trước ngày 31 tháng 12 năm trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư giao kế hoạch vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước năm sau cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Bộ, ngành trung ương và địa phương vay vốn cho các dự án hoàn trả một phần vốn vay bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 39. Hồ sơ đề nghị thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Tờ trình cấp có thẩm quyền về kế hoạch đầu tư công hằng năm.

2. Kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và kế

hoạch đầu tư công trung hạn điều chỉnh (nếu có).

3. Báo cáo kế hoạch đầu tư công hằng năm theo nội dung quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

4. Báo cáo thẩm định trong nội bộ của cơ quan, đơn vị.

5. Ý kiến của Hội đồng nhân dân hoặc *(được bãi bỏ)*[25] các cấp đối với dự thảo kế hoạch đầu tư công hằng năm do Ủy ban nhân dân cùng cấp trình theo quy định của Luật Đầu tư công và các quy định tại Nghị định này.

6. Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 40. Nội dung và báo cáo thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm

1. Nội dung thẩm định:

a) Thẩm định nội dung quy định tại các điều 50, 51 và 53 của Luật Đầu tư công;

b) Tính phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc kế hoạch đầu tư công điều chỉnh (nếu có);

c) Dự kiến phương án phân bổ vốn cho từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể;

d) Các nội dung liên quan khác (nếu có).

2. Báo cáo thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm theo mẫu quy định tại phụ lục số II kèm theo Nghị định này.

Chương III
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN VÀ THEO DÕI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 41. Tổ chức điều hành kế hoạch đầu tư công

1. Căn cứ các nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Chính phủ ban hành:

a) Nghị quyết triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, trong đó quy định các giải pháp tổ chức, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Nghị quyết chỉ đạo điều hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự

---

[25] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

toán ngân sách nhà nước hằng năm, trong đó quy định các giải pháp tổ chức, thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm.

2. Bộ, ngành trung ương và địa phương, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Đầu tư công.

Điều 42. Chấp hành kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công theo thời gian quy định và theo quyết định giao kế hoạch của cấp có thẩm quyền và phân cấp quản lý nguồn vốn.

2. Báo cáo tình hình thông báo và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm:

a) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp có thẩm quyền ban hành quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tình hình thông báo và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Bộ, ngành trung ương và địa phương;

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình giao kế hoạch đầu tư công trung hạn trước ngày 31 tháng 3 năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn và trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm của Bộ, ngành trung ương và địa phương.

3. Cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 73 của Luật Đầu tư công.

Điều 43. Triển khai kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, ngành trung ương và các cấp chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 74 của Luật Đầu tư công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đầu tư công;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chỉ thị tăng cường các biện pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm khi cần thiết hoặc ban hành

các văn bản hướng dẫn thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản theo thẩm quyền.

3. Bộ Tài chính thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 74 của Luật Đầu tư công.

Điều 44. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội quyết định điều chỉnh tổng thể kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 75 của Luật Đầu tư công;

b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ và sau khi được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại khoản 2 Điều 75 của Luật Đầu tư công;

c) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 75 của Luật Đầu tư công;

d) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 75 của Luật Đầu tư công;

đ) Chủ trì thẩm định phương án điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 75 của Luật Đầu tư công.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh tổng mức kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương, các khoản vốn vay khác của ngân sách địa phương để đầu tư trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 75 của Luật Đầu tư công. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổng hợp dự kiến kế hoạch điều chỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Ủy ban nhân dân các cấp quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm theo quy định tại khoản 6 Điều 75 của Luật Đầu tư công và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

Điều 45. Ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công

1. Dự án đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, nếu có nhu cầu vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, được phép ứng trước kế hoạch vốn năm sau để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2.[26] Mức ứng trước dự toán ngân sách năm sau tối đa không vượt quá 20% dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản theo từng nguồn vốn của năm thực hiện của các dự án, công trình xây dựng cơ bản và không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch trung hạn 5 năm bố trí cho dự án. Nguyên tắc, tiêu chí, điều kiện và thẩm quyền quyết định việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau thực hiện theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 46. Thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công[27]

1. Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 76 của Luật Đầu tư công.

2. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch.

Trường hợp đặc biệt, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kéo dài thời gian giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm của từng dự án sang các năm sau, nhưng không quá thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 76 của Luật đầu tư công.

3. Đối với dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

a) Phần vốn nước ngoài đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công hằng năm và đã được Chính phủ Việt Nam nhận nợ nhưng chưa giải ngân, thời gian thực hiện và giải ngân được kéo dài đến hết ngày 31 tháng 12 năm sau năm kế hoạch.

b) Phần vốn nước ngoài đã được bố trí trong kế hoạch đầu tư công hằng năm nhưng Chính phủ Việt Nam chưa nhận nợ và chưa giải ngân, sau khi kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước, hủy dự toán đối với số vốn chưa giải ngân.

---

[26] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

[27] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Trường hợp đặc biệt, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội bổ sung dự toán ngân sách năm sau nhưng không vượt quá tổng mức vốn nước ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được Quốc hội quyết định.

4. Quy trình và thủ tục kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư hằng năm vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài quy định tại điểm a khoản 3 Điều này:

a) Kết thúc thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước, các bộ, ngành và địa phương chỉ đạo chủ đầu tư làm thủ tục với Kho bạc Nhà nước chuyển số vốn còn lại chưa giải ngân sang năm sau theo quy định.

b) Chậm nhất đến ngày 31 tháng 3 hằng năm, bộ, ngành và địa phương tổng hợp toàn bộ danh mục dự án và số vốn kéo dài sang năm sau, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính.

c) Sau ngày 31 tháng 3 hằng năm, thu hồi về ngân sách trung ương hoặc hủy dự toán số vốn còn lại chưa giải ngân của kế hoạch năm trước không được tổng hợp, báo cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này."

5. Khoản vốn kế hoạch đầu tư năm trước kéo dài thời gian giải ngân theo quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này, sẽ quyết toán vào ngân sách các năm sau theo số giải ngân thực tế của từng năm.

Điều 47. Theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công

1. Theo dõi, kiểm tra việc lập, thẩm định, phê duyệt, giao và thực hiện kế hoạch đầu tư công thực hiện theo quy định tại Điều 77 của Luật Đầu tư công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, ngành trung ương và địa phương theo dõi, kiểm tra kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định pháp luật về đầu tư công.

3. Bộ, ngành trung ương căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Bộ, ngành trung ương quản lý.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổ chức và hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm chi tiết tình hình thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương.

5. Bộ Tài chính theo dõi và tổng hợp tình hình giải ngân các dự án đầu tư sử

dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn đầu tư công khác theo phân công của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 48. Báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính, gồm các nội dung sau:

a) Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa kỳ vào quý II năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn và cuối kỳ vào năm cuối thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư đầu tư công hằng năm theo quý trước ngày 10 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo và cả năm vào trước ngày 28 tháng 02 năm sau;

c) Các thông tin khác phục vụ cho việc lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia, của Bộ, ngành trung ương và địa phương.

2. Bộ Tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn 5 năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

a) Tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và hằng năm vốn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn trái phiếu chính quyền địa phương, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước của Bộ, ngành trung ương và địa phương và các nguồn vốn đầu tư công khác theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

b) Chi tiết giải ngân kế hoạch vốn đầu tư các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

3. Việc báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn của các cấp, các ngành ở địa phương thực hiện theo quy định sau:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định việc báo cáo, cung cấp thông tin và thời gian báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp dưới phù hợp với các quy định theo dõi, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của Luật Đầu tư công, các quy định tại Nghị định này và yêu cầu quản lý, điều hành kế hoạch đầu tư công của địa phương;

b) Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp dưới thực hiện chế độ báo cáo, cung

cấp thông tin theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 49. Đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công

1. Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại Điều 78 của Luật Đầu tư công; định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và cả giai đoạn gửi báo cáo đánh giá tình hình thực hiện và kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế của kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ các nội dung sau:

a) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa kỳ vào năm thứ ba của kế hoạch đầu tư công trung hạn và cả giai đoạn vào năm cuối triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn;

b) Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công hằng năm vào tháng 9 hằng năm và trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

3. Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG LẬP, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

Điều 50. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

1. Thống nhất quản lý nhà nước về lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Ban hành văn bản pháp luật về lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công.

3. Trình Quốc hội quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia.

4. Trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 75 của Luật Đầu tư công.

5. Thực hiện các quy định tại Điều 87 của Luật Đầu tư công.

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ

1. Ban hành quyết định, chỉ thị về lập, điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ban hành quyết định về các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 5 năm tiếp theo để phục vụ cho việc lập, thẩm định, phê duyệt và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn.

3. Quyết định giao kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, bao gồm quyết định điều chỉnh kế hoạch (nếu có).

5. Tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ.

6. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Bộ, ngành trung ương và địa phương; kiểm tra việc lập, thực hiện, theo dõi, đánh giá các chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, chính sách đầu tư công của địa phương.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu cho Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về lập, theo dõi, đánh giá và điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Trình Chính phủ dự thảo văn bản pháp luật, chỉ đạo, điều hành về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ:

a) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ để báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái quốc gia và vốn trái phiếu Chính phủ trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn sau;

b) Danh mục dự án thuộc thẩm quyền kéo dài thời gian bố trí vốn của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 13 của Nghị định này;

c) Khả năng cân đối vốn ngân sách trung ương, vốn công trái quốc gia và

vốn trái phiếu Chính phủ theo ngành, lĩnh vực, chương trình; khả năng cân đối vốn cho Bộ, ngành trung ương và địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

4. Ban hành theo thẩm quyền các văn bản hướng dẫn Bộ, ngành trung ương và địa phương về lập, triển khai, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, gồm: quy trình và nội dung lập, triển khai thực hiện, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ chế và nội dung tham vấn; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; ứng trước kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; cơ chế phối hợp giữa các Bộ, ngành trung ương và địa phương trong việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo ngành, lĩnh vực và các chương trình mục tiêu.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập, thẩm định và trình cấp có thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia; tổ chức triển khai, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

6. Thực hiện các quy định tại Điều 88 của Luật Đầu tư công.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng hệ thống công nghệ thông tin thu thập tình hình thực hiện dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

8. Tổng hợp báo cáo đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; báo cáo đánh giá giữa kỳ và cả giai đoạn kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp quốc gia.

9. Hướng dẫn và tham gia tổ chức đào tạo cán bộ, tăng cường năng lực lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

10. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Bộ, ngành trung ương, địa phương.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Dự kiến khả năng cân đối thu, chi ngân sách nhà nước trong trung hạn và hằng năm;

b) Hướng dẫn việc tạm ứng, thanh toán, quyết toán các dự án sử dụng vốn kế

hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật;

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc lập, theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

3. Báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đồng gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, ngành trung ương

1. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do Bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý và các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ giao.

2. Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong quá trình lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia.

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do Bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý.

4. Tổ chức theo dõi và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do Bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý và các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao.

5. Báo cáo tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm do Bộ, ngành trung ương trực tiếp quản lý và các chương trình mục tiêu quốc gia thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Chính phủ giao và các báo cáo khác theo yêu cầu của Chính phủ.

6. Quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công tại Bộ, ngành trung ương phù hợp với đặc điểm của từng Bộ, ngành trung ương.

7. Kiểm tra, giám sát việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trong phạm vi ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

1. Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương của cấp mình theo quy định của pháp luật và phù hợp với mục tiêu, đặc

điểm phát triển của địa phương;

b) Quyết định các giải pháp huy động các nguồn vốn khác để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn của cấp mình;

c) Cho ý kiến hoặc giao *(được bãi bỏ)*[28] cùng cấp cho ý kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn đầu tư công do cấp trên quản lý trước khi Ủy ban nhân dân cùng cấp gửi các cơ quan cấp trên;

d) Giám sát việc thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của cấp mình.

2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp quản lý nhà nước và nội dung lập, theo dõi, đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho các cấp phù hợp với tình hình, đặc điểm của địa phương và theo quy định của pháp luật.

Điều 56. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thực hiện quản lý nhà nước về lập, điều hành theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công của địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Nghị định này.

2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các nội dung quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 92 của Luật Đầu tư công.

3. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương, báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ, ngành trung ương liên quan để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Tổ chức tham vấn lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư về kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương (nếu cần thiết).

5. Tổ chức theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương; báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm, giữa kỳ, cả giai đoạn tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và các báo cáo đột xuất khác.

6. Ban hành quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong

---

[28] Cụm từ này được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

việc lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương.

7. Phối hợp với Bộ, ngành trung ương tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch, chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh.

8. Kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về lập, theo dõi và đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của các cấp, các ngành ở địa phương.

Điều 57. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

1. Thực hiện quy định tại các khoản 1, 3, 5 và 6 Điều 93 của Luật Đầu tư công trong lập, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc cấp mình quản lý.

Đối với Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường không có Hội đồng nhân dân cùng cấp là một đơn vị dự toán ngân sách nhà nước cấp trên, trình kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của cấp mình lên Ủy ban nhân dân cấp trên để tổng hợp chung trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của Ủy ban nhân dân cấp trên.

2. Phối hợp với cơ quan nhà nước ở cấp trên trong việc lập, theo dõi và đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm trên địa bàn.

3. Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư của cấp mình phù hợp với tình hình, điều kiện và đặc điểm phát triển của địa phương mình.

Điều 58. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Lập và dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của quốc gia, của các ngành, lĩnh vực và đặc điểm, điều kiện cụ thể, khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương;

b) Tổng hợp danh mục dự án thuộc đối tượng kéo dài thời gian bố trí vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 của Nghị định này.

2. Kiến nghị điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh trong trường hợp cần thiết.

3. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai và điều hành thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của tỉnh. Đề xuất giải pháp huy động các nguồn vốn để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

4. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; báo cáo định kỳ tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy chế phối hợp giữa các ngành, các cấp của địa phương trong việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm ở địa phương.

6. Phối hợp với cơ quan nhà nước cấp trên trong quá trình lập và triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương.

Điều 59. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh dự kiến khả năng thu, chi ngân sách địa phương, các khoản thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý.

3. Định kỳ báo cáo tình hình giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 60. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Chính phủ

Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Bộ, ngành trung ương liên quan tổ chức thanh tra việc lập, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm.

Điều 61. Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công

1. Lập, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và quản lý đầu tư công trung hạn và hằng năm của đơn vị phù hợp với mục tiêu, quy hoạch phát triển của ngành, lĩnh vực và dự kiến khả năng huy động các nguồn vốn đầu tư khác.

2. Sử dụng vốn đầu tư công đúng mục tiêu, nhiệm vụ và chế độ theo quy định của pháp luật, bảo đảm sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả.

3. Báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 62. Trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức khác và cá nhân có liên quan đến việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm

1. Tham gia, đề xuất và giám sát việc lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm theo quy định của pháp luật.

2. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện dự án hoặc nội dung có liên quan đến kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm thuộc lĩnh vực phụ trách hoặc được phân công thực hiện.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu hoặc đóng góp ý kiến liên quan tới nội dung lập, theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm phải cung cấp đầy đủ, kịp thời và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với việc lập, thẩm định, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020:

a) Trình tự lập, thẩm định, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch đầu tư công thực hiện theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020;

b) Đối với dự án chuyển tiếp do địa phương quản lý đã được hỗ trợ nguồn vốn, ngân sách trung ương trong giai đoạn 2011 - 2015 và dự án mới chưa được bố trí kế hoạch vốn ngân sách trung ương, nhưng trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định mức vốn ngân sách trung ương cụ thể hoặc đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định mức vốn ngân

sách trung ương cụ thể: tiếp tục bố trí theo mức vốn ngân sách trung ương được quy định tại các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và mức vốn ngân sách trung ương đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, không phân biệt quy mô dự án, cho đến khi hoàn thành; không áp dụng cơ chế mới về quy mô và tỷ lệ hỗ trợ 100% theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Nghị định này.

2. Dự án đầu tư công chuyển tiếp được cấp có thẩm quyền giao vốn thực hiện dự án trong kế hoạch đầu tư công trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành: tiêu chí phân loại dự án nhóm A, B, C và thời gian bố trí vốn kế hoạch để hoàn thành các năm sau tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực.

3. Dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền bố trí vốn từ kế hoạch năm 2015: tiêu chí phân nhóm dự án và thời gian bố trí vốn kế hoạch trung hạn và hằng năm để hoàn thành dự án thực hiện theo các quy định tại Nghị định này.

Điều 64. Hiệu lực thi hành[29]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2015.

2. Các quy định trước đây trái với các quy định tại Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 65. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

---

[29] Điều 5 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành quy định như sau:.

"Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Nghị định này áp dụng cho cả các trường hợp đã quy định tại Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công phù hợp với Nghị định này.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này"./.

PHỤ LỤC I

MẪU VĂN BẢN THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
(Ban hành kèm theo Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

(CƠ QUAN THẨM ĐỊNH) ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: /..... V/v thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm	....., *ngày tháng năm* .....

Kính gửi: (Tên Cơ quan đề nghị thẩm định)

(Tên Cơ quan thẩm định) nhận được văn bản số ...../..... ngày ... tháng ... năm ... của ..... (điền tên cơ quan gửi văn bản thẩm định) trình thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm .....

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các văn bản liên quan khác .....

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, đơn vị, *(Tên Cơ quan thẩm định)* đã nghiên cứu và có ý kiến về dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm ..... (lần thứ .....) của ..... (điền tên cơ quan gửi văn bản thẩm định) như sau:

I. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Theo quy định tại Điều 25 của Nghị định này.

II. MÔ TẢ NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 5 NĂM ..... (lần thứ .....) CỦA .....

Tổng nhu cầu đầu tư 5 năm .....: ..... tỷ đồng và dự kiến bố trí vốn kế hoạch 5 năm ..... là ..... tỷ đồng 1. Trong đó:

1. Vốn .....: nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ..... 5 năm .....; ..... tỷ đồng và dự kiến bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ..... 5 năm ..... là ..... tỷ đồng.

2. Vốn .....: nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ..... 5 năm .....; ..... tỷ đồng và dự kiến bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ..... 5 năm ..... là ..... tỷ đồng.

3. .....

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Ghi rõ các đơn vị gửi lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến các đơn vị phối hợp thẩm định.

IV. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Thẩm định kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm đi vào thẩm định chi tiết các nội dung quy định tại Điều 52 của Luật Đầu tư công và phải phù hợp với các quy định tại Điều 50, 51 của Luật Đầu tư công, Nghị định này và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công (nếu có liên quan), các văn bản chỉ đạo và văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm .....

Trong thẩm định cụ thể, đề nghị tập trung vào các nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Về tổng thể và cơ cấu dự thảo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm .....

2. Về các nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, đối chiếu với các quy định về tiêu chí, thứ tự ưu tiên

3. Về tổng mức vốn kế hoạch và dự kiến phân bổ:

- Cho từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí quy định tại điểm 2 nêu trên.

- Dự kiến số vốn dự phòng 10% theo từng nguồn vốn.

4. Về số nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và dự kiến kế hoạch thanh toán số nợ đọng xây dựng cơ bản.

5. Hoàn trả các khoản vốn ứng trước (nếu có).

6. Về các dự án khởi công mới, phải bảo đảm:

- Đã có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định *(riêng đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tại thời điểm thẩm định hiện nay có thể chưa có đầy đủ thủ tục đầu tư; nhưng yêu cầu các cơ quan phải hoàn chỉnh thủ tục đầu tư; trong đó: đặc biệt lưu ý, đối với các dự án khởi công mới dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 phải phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, cần yêu cầu các đơn vị khẩn trương chuẩn bị báo cáo trình cấp có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 10 năm 2015 phải phê duyệt chủ trương đầu tư).*

- Làm rõ nguồn vốn và khả năng cân đối từng nguồn vốn cho từng dự án cụ thể.

7. Các ý kiến khác (nếu có).

.....

(Trong từng trường hợp cụ thể các đơn vị thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, các ý kiến chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền).

Trên đây là ý kiến thẩm định của *(Tên Cơ quan thẩm định)* về dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm ..... (lần thứ .....) của Quý Cơ quan, đề nghị Quý Cơ quan hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch và gửi *(Tên Cơ quan cần gửi báo cáo)* theo thời gian quy định./.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: ..... (...b).

PHỤ LỤC II

MẪU VĂN BẢN THẨM ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HẰNG NĂM
(Ban hành kèm theo Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

(CƠ QUAN THẨM ĐỊNH) ---	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---
Số: /..... V/v thẩm định kế hoạch đầu tư công năm	*....., ngày tháng năm .....*

Kính gửi: (Tên Cơ quan đề nghị thẩm định)

(Tên Cơ quan thẩm định) nhận được văn bản số ...../..... ngày ... tháng ... năm ... của .....(điền tên cơ quan gửi văn bản thẩm định) trình thẩm định kế hoạch đầu tư công năm .....

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

- Chỉ thị số ...../CT-TTg ngày tháng năm của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm .....;

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 5 năm .....;

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm ..... đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (riêng kế hoạch năm đầu tiên của kế hoạch đầu tư công trung hạn, nếu đến thời điểm thẩm định kế hoạch, chưa có kế hoạch 5 năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì căn cứ vào dự kiến kế hoạch đang trình cấp có thẩm quyền phê duyệt);

- Các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền về lập kế hoạch đầu tư công hằng năm;

- Các văn bản liên quan khác (nếu có).

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm định của các cơ quan, đơn vị, *(Tên Cơ quan thẩm định)* đã nghiên cứu và có ý kiến về dự thảo Kế hoạch đầu tư công năm ..... (lần thứ .....) của ..... (điền tên cơ quan gửi văn bản thẩm định) như sau:

I. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Theo quy định tại Điều 39 của Nghị định này.

II. MÔ TẢ NHU CẦU VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM ..... (lần thứ .....) CỦA .....

Tổng nhu cầu đầu tư năm .....: ..... tỷ đồng và dự kiến bố trí vốn kế hoạch năm ..... là ..... tỷ đồng 2. Trong đó:

1. Vốn .....: nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ..... năm .....; ..... tỷ đồng và dự kiến bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ..... năm ..... là ..... tỷ đồng.

2. Vốn .....: nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn ..... năm .....: ..... tỷ đồng và dự kiến bố trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ..... năm ..... là ..... tỷ đồng.

3. .....

III. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Ghi rõ các đơn vị gửi lấy ý kiến và tổng hợp ý kiến các đơn vị phối hợp thẩm định.

IV. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

Thẩm định kế hoạch đầu tư công hằng năm phải đi vào thẩm định chi tiết các nội dung quy định tại Điều 53 của Luật Đầu tư công và phải phù hợp với các quy định tại Điều 50, 51 của Luật Đầu tư công, Nghị định về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Chỉ thị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN hằng năm của Thủ tướng Chính phủ và kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong thẩm định, đề nghị tập trung vào các nội dung chủ yếu dưới đây:

1. Về tổng thể và cơ cấu dự thảo Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, văn bản chỉ đạo và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

2. Về bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn, các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn.

3. Về tổng mức vốn kế hoạch và dự kiến phân bổ: cho từng ngành, lĩnh vực, chương trình, dự án cụ thể.

4. Về thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả các khoản vốn ứng trước (nếu có).

5. Về các dự án khởi công mới, phải bảo đảm: Có đầy đủ các thủ tục đầu tư theo quy định *(đến ngày 31 tháng 10 năm trước năm kế hoạch phải hoàn thành các thủ tục phê duyệt Quyết định đầu tư)*

6. Các ý kiến khác (nếu có).

.....

(Trong từng trường hợp cụ thể các đơn vị thẩm định có thể bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung thẩm định bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Chỉ thị xây dựng kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ hằng năm và các văn bản hướng dẫn của các cấp có thẩm quyền.)

Trên đây là ý kiến thẩm định của *(Tên Cơ quan thẩm định)* về dự thảo kế hoạch đầu tư công năm ..... (lần thứ .....) của Quý Cơ quan, đề nghị Quý Cơ quan hoàn chỉnh dự thảo kế hoạch và gửi ..... *(Tên cơ quan cần gửi báo cáo)* theo thời gian ...../.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: ..... (...b).

---

1 Trường hợp dự thảo kế hoạch đầu tư công trung hạn của các cơ quan, đơn vị trung ương được xây dựng từ nhiều nguồn vốn thì mô tả nhu cầu kế hoạch các nguồn vốn dự kiến tất cả các nguồn vốn, trường hợp kế hoạch đầu tư công của các cơ quan, đơn vị chỉ xây dựng một nguồn vốn duy nhất, mô tả nhu cầu kế hoạch đi vào trực tiếp nguồn vốn cụ thể. Trường hợp nhu cầu và dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn của các cơ quan, đơn vị giống nhau, thì chỉ cần nêu dự kiến bố trí kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn. Trong từng nguồn vốn làm rõ chi tiết nhu cầu và dự kiến đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình và thứ tự ưu tiên đầu tư.

2 Trường hợp dự thảo kế hoạch đầu tư công của các cơ quan, đơn vị trung ương được xây dựng từ nhiều nguồn vốn thì mô tả nhu cầu kế hoạch các nguồn vốn dự kiến tất cả các nguồn vốn, trường hợp kế hoạch đầu tư công của các cơ quan, đơn vị chỉ xây dựng một nguồn vốn duy nhất, mô tả nhu cầu kế hoạch đi vào trực tiếp nguồn vốn cụ thể. Trường hợp nhu cầu và dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công của các cơ quan, đơn vị giống nhau, thì chỉ cần nêu dự kiến bố trí kế hoạch vốn đầu tư công. Trong từng nguồn vốn làm rõ chi tiết nhu cầu và dự kiến đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình và thứ tự ưu tiên đầu tư.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Số: 904 /VBHN-BKHĐT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2019

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Vũ Đại Thắng